

CÔNG TY CỔ PHẦN HỆ THỐNG ĐÁNH GIÁ GIÁO DỤC VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HỆ THỐNG ĐÁNH GIÁ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM EDUCATION EVALUATION SYSTEM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VEES VIET NAM

2. Mã số doanh nghiệp: 0110297787

3. Ngày thành lập: 24/03/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 6, tòa nhà Việt Á, số 9 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0964555217

Fax:

Email: info@trevedu.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng	4329
3.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
4.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
5.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
6.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
7.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý mua bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4610
8.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn xe đạp (kể cả xe đạp điện) và phụ tùng của xe đạp	4649
9.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
10.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
13.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
14.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
15.	Khai thác gỗ	0220
16.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
17.	Thu nhật lâm sản khác trừ gỗ	0232
18.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
19.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo)	8230
20.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
21.	Giáo dục nhà trẻ	8511
22.	Giáo dục mẫu giáo	8512
23.	Giáo dục tiểu học	8521
24.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
25.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
26.	Đào tạo sơ cấp	8531
27.	Đào tạo trung cấp	8532
28.	Đào tạo cao đẳng	8533
29.	Đào tạo đại học	8541
30.	Đào tạo thạc sỹ	8542
31.	Đào tạo tiến sỹ	8543
32.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
33.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
34.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (trừ – Dạy về tôn giáo, trừ Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể.)	8559
35.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
36.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
37.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
38.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
39.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
40.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
41.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
42.	Lập trình máy vi tính	6201
43.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
44.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209

45.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (không bao gồm xử lý dữ liệu trong lĩnh vực viễn thông)	6311
46.	Cổng thông tin (Không bao gồm hoạt động báo chí và hoạt động của nhà báo)	6312
47.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (Trừ cung cấp thông tin cá nhân, thông tin nhà nước cấm, hoạt động báo chí)	6399
48.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)	6619
49.	Hoạt động của trụ sở văn phòng (Không bao gồm hoạt động của công ty tài chính)	7010
50.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ hoạt động tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)	7020
51.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát xây dựng; - Thiết kế quy hoạch xây dựng; - Giám sát thi công công trình xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; - Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; - Dịch vụ tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình; - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình	7110
52.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
53.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
54.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
55.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
56.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
57.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
58.	Quảng cáo	7310
59.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
60.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
61.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động môi giới bản quyền (sắp xếp cho việc mua và bán bản quyền); - Tư vấn về môi trường; - Tư vấn về công nghệ tái tạo năng lượng điện mặt trời; - Hoạt động môi giới thương mại	7490
62.	Cho thuê xe có động cơ	7710

63.	Bán buôn tổng hợp (Trừ dược phẩm và các loại Nhà nước cấm)	4690
64.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
65.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
66.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
67.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
68.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
69.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
70.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
71.	In ấn	1811
72.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
73.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
74.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
75.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
76.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
77.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
78.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
79.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
80.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
81.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
82.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
83.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
84.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
85.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
86.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
87.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
88.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
89.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
90.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
91.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
92.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
93.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
94.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
95.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910

96.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
97.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
98.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
99.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
100.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
101.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
102.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
103.	Bốc xếp hàng hóa	5224
104.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Giao nhận hàng hóa; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển; - Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa	5229
105.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Không bao gồm hoạt động sản xuất chương trình truyền hình)	5911
106.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video (Không bao gồm hoạt động phát hành chương trình truyền hình)	5913
107.	Hoạt động viễn thông có dây	6110
108.	Hoạt động viễn thông không dây	6120
109.	Hoạt động viễn thông vệ tinh	6130
110.	Hoạt động viễn thông khác	6190
111.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
112.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển	7730
113.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Không bao gồm trung tâm dịch vụ việc làm)	7810
114.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
115.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: - Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; - Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài	7830

116.	Đại lý du lịch	7911
117.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
118.	Hoạt động bảo vệ tư nhân Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ	8010
119.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
120.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
121.	Đóng thuyền, xuống thể thao và giải trí	3012
122.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092
123.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
124.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
125.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
126.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi (trừ các loại đồ chơi có hại cho sự giáo dục, phát triển nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự, an toàn xã hội)	3240(Chính)
127.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
128.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
129.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
130.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
131.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
132.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
133.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
134.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
135.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
136.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
137.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
138.	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng, xử lý nền móng công trình (Trừ nổ mìn)	4312
139.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
140.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
141.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
142.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
143.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

144.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
145.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
146.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ các loại đồ chơi có hại cho sự giáo dục, phát triển nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự, an toàn xã hội)	4764
147.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 6.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 600.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LƯƠNG HOÀNG ĐỨC	Số 38B, đường Trần Phú, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	600	6.000.000	0,100	155088000003	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	600	6.000.000	0,100		

2	NGUYỄN VĂN TUYÊN	Thôn Miêu Nha, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	598.800	5.988.000.000	99,800	0360880000 11
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	598.800	5.988.000.000	99,800	
3	LÊ ĐẠI CÁN	Thôn Lang Xá, Xã Mỹ Tiên, Huyện Mỹ Lộc, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	600	6.000.000	0,100	0360910117 82
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	600	6.000.000	0,100	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* **Họ và tên:** NGUYỄN VĂN TUYỀN **Giới tính:** Nam
Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Sinh ngày: 11/08/1988 **Dân tộc:** Kinh **Quốc tịch:** Việt Nam
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036088000011
Ngày cấp: 29/01/2013 **Nơi cấp:** Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
Địa chỉ thường trú: Thôn Miêu Nha, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ liên lạc: Thôn Miêu Nha, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội